



TÁI CƠ CẤU ĐẦU TƯ CÔNG TẠI VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Public investment restructuring in Vietnam: Current situation and solution

Dương Thị Tinh

tinhhinh@gmail.com

*Khoa Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh
Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên, Việt Nam*

Đến tòa soạn: 20/07/2017; Chấp nhận đăng: 30/08/2017

Tóm tắt. Đầu tư công có ý nghĩa quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đóng vai trò là đòn bẩy đối với một số ngành và vùng trọng điểm, đồng thời thực hiện các chính sách phúc lợi xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng của Việt Nam. Trước đòi hỏi nâng cao hiệu quả đầu tư công cũng như chấp hành các chủ trương của Đảng, Quốc hội về đầu tư công, trọng tâm là tái cơ cấu đầu tư công nhằm thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển hoàn thiện cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và cơ cấu lại nền kinh tế Việt Nam. Bài viết phân tích rõ thực trạng tái cơ cấu đầu tư công giai đoạn 2010-2016, đánh giá những thành công, hạn chế và đề xuất giải pháp cho giai đoạn 2017-2020.

Từ khóa: Tái cơ cấu đầu tư công; Tăng trưởng kinh tế; Hoàn thiện kết cấu hạ tầng; Cấu trúc nền kinh tế.

Abstract. Public investment is important for promoting economic growth, serving as a lever for some key sectors and regions, and implementing social welfare, security and defense policies of Vietnam. Prior to improving the efficiency of public investment as well as implementing the guidelines of the Party and Congress on public investment, the focus was to restructure public investment in order to maximize and effectively use the capital sources. To invest in developing and perfecting the basic system of socio-economic infrastructure in service of the achievement of the objectives of the socio-economic development plan and the restructuring of the Vietnamese economy. The paper analyzes the state of public investment restructure for the period 2010-2016, evaluates successes, constraints and proposes solutions for 2017-2020.

Keywords: Restructuring of public investment; Economic growth; Completion of infrastructure; Structure of economy

1. GIỚI THIỆU

Tái cơ cấu nền kinh tế là nhiệm vụ quan trọng của Việt Nam trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Tái cơ cấu nền kinh tế nằm trong “Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020” đã được Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt tại Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19/2/2013. Đánh giá kết quả về mức độ tái cơ cấu kinh tế trong giai đoạn 2013-2015 còn chậm và chưa đảm bảo một cơ cấu kinh tế bền vững và hiệu quả. Do đó, Chính phủ đã phê duyệt Kế hoạch tái cơ cấu nền kinh tế giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 24/2016/QH14 với 5 nội dung quan trọng, trong đó mục tiêu là hoàn thành sớm trước năm 2019 nội dung thứ nhất: Tập trung hoàn thành cơ cấu lại ba trọng tâm gồm cơ cấu lại đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức tín dụng [3]. Đối với vấn đề tái cơ cấu đầu tư công cần phải được đánh giá, phân tích cụ thể để giải quyết cả phần ngọn và phần gốc của vấn đề, cần chỉ rõ nguyên nhân gây lãng phí và kém hiệu quả của đầu tư công, kiểm soát tốt phân cấp đầu tư từ trung ương đến địa phương. Trọng tâm đầu tư công tập trung vào việc huy động sử dụng hợp lý các nguồn lực cho đầu tư phát triển, duy trì tỷ trọng đầu tư nhà nước, mở rộng tối đa phạm vi và cơ hội cho đầu tư tư nhân, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, lãng phí, nâng cao hiệu quả đầu tư nhà nước... Chính phủ đã ban hành các chương trình hành động nhằm xác định tái cấu trúc đầu tư công là một trong những giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế.

Trên cơ sở đánh giá vấn đề tái cơ cấu đầu tư công giai đoạn 2010-2016, bài viết đúc kết lại những thành công, hạn chế so với mục tiêu, nguyên nhân của những bất cập này, từ đó đưa ra những giải pháp cho giai đoạn 2017-2020.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Việc đánh giá tái cơ cấu đầu tư công giai đoạn 2010-2016 và đưa ra những giải pháp cho giai đoạn 2017-2020 nên phương pháp nghiên cứu chính trong bài viết là so sánh chuỗi (đánh giá những kết quả thực hiện qua các năm trong quá trình thực hiện tái cơ cấu đầu tư) và so sánh chéo (so sánh kết quả thực hiện với mục tiêu đề ra, cũng như so với yêu cầu xây dựng Việt Nam trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại). Ngoài ra, bài viết còn sử dụng phương pháp tổng hợp, thống kê và phân tích thông tin về tái cơ cấu đầu tư công tại Việt Nam qua các năm về cơ chế chính sách, quy mô và tỷ trọng vốn đầu tư theo nguồn và theo thành phần kinh tế, các lĩnh vực được đầu tư, nhằm đánh giá rõ nét những thành công, hạn chế làm cơ sở đưa ra giải pháp tái cơ cấu đầu tư công cho những năm tiếp theo.

3. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2010-2016

3.1 Cơ chế chính sách

Nhằm thực hiện chủ trương tái cơ cấu đầu tư, với trọng tâm là đầu tư công, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo tăng cường quản lý đối với lĩnh vực đầu tư công, trong đó nổi bật là Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước

(NSNN) và vốn trái phiếu chính phủ (TPCP) và Chỉ thị số 14/CT-TTG ngày 28/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn NSNN và TPCP. Theo đánh giá thì Chỉ thị 1792/CT-TTG năm 2011 chỉ giải quyết phần ngọn của vấn đề chưa giải quyết phần gốc, cần phải chỉ rõ nguyên nhân sâu xa gây lãng phí và kém hiệu quả của đầu tư công là cơ chế phân cấp đầu tư theo kiểu “khoán trắng” cho địa phương nên trung ương không kiểm soát được phần ngân sách trung ương phân cấp cho địa phương. Mặc dù trọng tâm tái cơ cấu nền kinh tế trong giai đoạn 2011-2015 tập trung vào 3 nội dung là đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và hệ thống ngân hàng nhưng cần đặt 3 nội dung trên trong mục tiêu tái cơ cấu tổng thể nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình kinh tế theo tinh thần Nghị quyết số 10/2011/QH13 của Quốc hội và được Chính phủ triển khai thực hiện bởi Quyết định 339/TTg-QĐ ngày 19/2/2013. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện chủ trương tái cơ cấu đầu tư công, tái cơ cấu tổng thể nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng chưa thực sự đi vào thực tiễn.

Nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư và ngăn ngừa việc đầu tư dàn trải, lãng phí, nâng cao trách nhiệm của những người ra quyết định về chủ trương đầu tư, Quốc hội đã ban hành Luật Đầu tư công có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015 với nhiều quy định siết chặt kỷ luật với nhiều quy định nghiêm ngặt như đổi mới công tác thẩm định về nguồn vốn và cân đối vốn trước khi quyết định đầu tư. Tại thời điểm này Chính phủ cũng sửa đổi Luật Xây dựng, quy định mới về hình thức ban quản lý dự án chuyên nghiệp, ban quản lý khu vực đối với các công trình đầu tư công nhằm từng bước nâng cao năng lực, tính chuyên nghiệp của ban quản lý dự án. Ngày 01/7/2015 Chính phủ cũng đã sửa đổi bổ sung Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính trong đấu thầu, ưu tiên nhà thầu và người lao động trong nước. Nhằm phát huy nguồn lực khu vực tư nhân, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư với nhiều quy định so với các văn bản trước đây về khuyến khích xã hội hóa trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, môi trường... Năm 2016, để thực hiện theo chủ trương và nâng cao hiệu quả tái cơ cấu đầu tư công, đóng góp chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 08/7/2016 về đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2016. Ngày 21/02/2017 Chính phủ đã ban hành chương trình hành động thông qua Nghị quyết 27/NQ-CP xác định tái cấu trúc đầu tư công là một trong những giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế trong quá trình hội nhập của Việt Nam, kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

3.2 Quy mô và tỷ trọng vốn đầu tư công

Trong giai đoạn 2010-2016, tổng vốn đầu tư xã hội tăng qua các năm trong giai đoạn nghiên cứu, năm 2010 tổng nguồn vốn đầu tư chỉ đạt 830,278 nghìn tỷ đồng nhưng sang năm 2012 đã tăng đến 1.010,114 nghìn tỷ đồng. Cao nhất là năm 2016 ước đạt 1.485,100 nghìn tỷ đồng chiếm 33% GDP, cao hơn 2% so với chỉ tiêu kế hoạch đặt ra, tăng 78% so với năm 2010 và tăng 8,6% so với năm 2015. Trong các thành phần kinh tế được đầu tư thì thành phần kinh tế FDI thấp hơn thành phần kinh tế nhà nước và thành phần kinh tế ngoài nhà nước.

Trong cơ cấu vốn đầu tư xã hội có xu hướng giảm tỷ trọng đầu tư công, tăng dần tỷ trọng đầu tư tư nhân và khu vực đầu

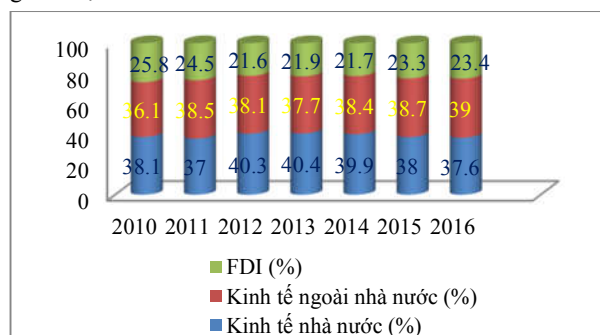
tư nước ngoài chiếm tỷ trọng khá cao đầu giai đoạn nhưng đến 2012-2014 chững lại với hơn 21% nhưng lại tăng ở những năm cuối giai đoạn nghiên cứu với 23,4% năm 2016.

Bảng 1. Tổng vốn đầu tư xã hội theo thành phần kinh tế

Năm	Tổng vốn đầu tư xã hội	Kinh tế nhà nước	Kinh tế ngoài nhà nước	FDI
2010	830,278	316,285	299,487	214,506
2011	924,495	341,555	356,049	226,891
2012	1.010,114	406,514	385,027	218,573
2013	1.094,542	441,924	412,506	240,112
2014	1.220,704	486,804	468,500	265,400
2015	1.367,205	519,505	529,600	318,100
2016(Sơ bộ)	1.485,100	557,500	579,700	347,900

DVT: Nghìn tỷ; (Nguồn: Tổng cục thống kê, xử lý của tác giả)

Riêng đầu tư công năm 2010 chiếm 38,1%, giảm trong năm 2011 chỉ còn 37% nhưng cũng có tăng trong năm 2013 nhưng lại giảm đáng kể năm 2016 với 37,6%. Nguyên nhân của việc giảm đầu tư công là do: (1) Nguồn thu NSNN trong giai đoạn 2010-2016 gặp khó khăn, dẫn đến bội chi NSNN lên mức xấp xỉ 6%, do vậy đầu tư từ NSNN giảm; (2) Giai đoạn 2010-2016 các doanh nghiệp gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh và khó khăn trong tiếp cận vốn vay để đầu tư, dẫn đến nguồn vốn từ các doanh nghiệp nhà nước cũng giảm mạnh.



Hình 1. Cơ cấu tổng vốn đầu tư xã hội theo thành phần kinh tế

3.3 Tái cơ cấu đầu tư công theo nguồn vốn

Bảng 2. Quy mô vốn đầu tư theo nguồn vốn

Năm	Tổng vốn đầu tư xã hội	Ngân sách nhà nước	Vốn vay	Vốn DNNN và nguồn vốn khác
2010	316.285	141.709	115.864	58.712
2011	341.555	177.977	114.085	49.493
2012	406.514	205.022	149.516	51.976
2013	441.924	207.152	162.486	72.286
2014	486.804	207.704	198.202	80.898
2015	519.505	220.405	211.000	88.100
2016(Sơ bộ)	557.500	268.600	198.000	90.900

DVT: Nghìn tỷ; (Nguồn: Tổng cục thống kê, xử lý của tác giả)

Trong giai đoạn 2010-2016 thì nguồn vốn đầu tư từ NSNN vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất và tăng qua các năm trong giai đoạn trong vốn đầu tư công, sau đó đến vốn vay. Tuy nhiên, đây là dấu hiệu phù hợp với yêu cầu của kế hoạch tái cơ cấu nguồn vốn đầu tư, cần đẩy mạnh trong những năm tới.

Sự gia tăng của vốn vay trong tổng vốn đầu tư công trong giai đoạn 2010-2016 là do Chính phủ phát hành trái phiếu giai đoạn 2011-2016 là 225 nghìn tỷ đồng và bổ sung thêm 170 nghìn tỷ đồng, trong đó 20 nghìn tỷ đồng là vốn đối ứng cho các dự án ODA theo Nghị quyết số 65/2013/QH13 ngày 28/11/2013 về phát hành bổ sung và phân bổ TPCP giai đoạn 2014-2016. Như vậy, nguồn vốn tăng nhanh trong cơ cấu vốn đầu tư công từ 33,4% năm 2011 lên 40,6% năm 2015 và sụt giảm còn 35,5% trong năm 2016.

3.4 Những lĩnh vực đầu tư công

Trong giai đoạn từ năm 2010-2016 đầu tư công đã tập trung chủ yếu cho các lĩnh vực có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế đất nước, đưa vào sử dụng nhiều dự án quan trọng đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống người dân trong các ngành giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục. Các tuyến giao thông quan trọng được quan tâm hoàn thiện như các đường vành đai biên giới, đường Nhật Tân – Nội Bài, tuyến Quản Lộ - Phụng Hiệp, sân bay Phú Quốc mới, nâng cấp các công trình hàng không khác như sân bay Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng, Tuy Hòa. Ngoài ra, xây dựng nhiều hệ thống thủy lợi đảm bảo tưới tiêu nước cho hàng nghìn ha đất nông nghiệp.

Riêng trong năm 2016 việc phân bổ vốn đầu tư công tập trung vào các dự án thuộc chương trình mật trận quốc gia (MTQG), các dự án giao thông quan trọng, vốn đối ứng cho dự án ODA, xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản.

Bảng 3. Lĩnh vực đầu tư công

Nguồn vốn	Nội dung đầu tư	Giá trị (Tỷ đồng)
NSNN	Chương trình MTQG	6.560
	Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản	3.099,09
TPC	Giao thông	22.394,43
	Y tế	16.180,06
	Thủy Lợi	8.560,43
	Di dân thủy điện Sơn La	1.765
	Đối ứng ODA	1.687

Nguồn: Chính phủ 2016

Có thể thấy rằng trong nguồn vốn NSNN thì chi cho chương trình MTQG chủ yếu là giảm nghèo và chương trình nông thôn mới chiếm tỷ trọng cao nhưng cũng là nguyên nhân gây nợ đọng xây dựng cơ bản cao với 3.099,09 tỷ đồng. Do vậy, cần huy động tối đa nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới và tăng cường giám sát đầu tư và giảm thiểu thủ tục rườm rà nhất. Nguồn vốn TPCP tập trung lớn nhất cho giao thông. Tuy nhiên, cũng cần giải quyết hài hòa lợi ích nhà đầu tư và doanh nghiệp, quy hoạch hệ thống giao thông có tầm nhìn dài hạn và cần tổ chức đấu thầu quốc tế.

4. ĐÁNH GIÁ CHUNG

4.1 Thành công

Thứ nhất, duy trì được nguồn vốn để đầu tư vào các lĩnh vực then chốt, quan trọng của đất nước, trong nhiều năm tỷ lệ vốn đầu tư /GDP vẫn đạt mức khá ổn định. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư công đã được điều chỉnh phù hợp với thực tế nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực y tế, giáo dục, giao thông, các chương trình giảm nghèo, nông thôn mới, điều đó hoàn toàn phù hợp với mục tiêu tái cơ cấu nền kinh tế và phát triển nền kinh tế theo hướng bền vững.

Thứ hai, thể chế chính sách cho việc tái cơ cấu đầu tư công luôn được rà soát, bổ sung sửa đổi phù hợp với mục tiêu với

những nội dung hạn chế thủ tục rườm rà, huy động nguồn vốn đầu tư từ tư nhân, bổ sung và hoàn thiện quy trình cấp vốn từ trung ương đến địa phương. Tiến tới ngăn chặn những hoạt động đầu tư dàn trải, lãng phí kém hiệu quả trong các dự án đầu tư, nhiều văn bản đã có tác động tích cực tới đầu tư công.

Thứ ba, công tác phân bổ, quản lý và cân đối theo kế hoạch đầu tư trung hạn. Việt Nam đã lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 theo quy định của Luật Đầu tư công ở tất cả các cấp. Đây là thành công trong công tác quản lý đầu tư công nhằm hạn chế những rủi ro có thể xảy ra. Khi thực hiện đầu tư công theo kế hoạch này sẽ giúp các Bộ, Ngành, Địa phương chủ động hơn trong việc quản lý, sử dụng nguồn vốn được giao có hiệu quả cao.

4.2 Hạn chế

Thứ nhất, tỷ lệ đầu tư công trong GDP cao nhưng đóng góp vào tăng trưởng kinh tế còn thấp, đầu tư công chiếm khoảng 30%-40,4% trong giai đoạn 2010-2016 và tốc độ tăng giảm không ổn định, có dấu hiệu giảm vào năm 2016. Điều đó cho thấy hiệu quả đầu tư công chưa cao, phụ thuộc vào thu NSNN và vốn của các DNNN .

Thứ hai, việc mở rộng cơ hội thu hút đầu tư tư nhân còn hạn chế, mặc dù môi trường đầu tư dần được cải thiện nhưng tỷ lệ đầu tư từ tư nhân còn thấp, chủ yếu là vốn đầu tư từ NSNN, điều đó cho thấy đầu tư công khó bền vững trong thực hiện trong khi NSNN phụ thuộc rất nhiều vào bối cảnh kinh tế trong hội nhập quốc tế.

Thứ ba, tái cơ cấu đầu tư công còn mang tính hình thức, chưa thấy được thay đổi về bản chất, tỷ trọng đầu tư chủ yếu cho các lĩnh vực giao thông, y tế, giáo dục, thủy lợi, còn các lĩnh vực khác còn thấp. Bên cạnh đó, việc tái đầu tư công mới chỉ dừng lại ở việc ký luật đầu tư, chưa tập trung vào các giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư công. Nhiều dự án còn dàn trải, chậm tiến độ, đầu tư theo phong trào, phân tán mọi nguồn lực về vốn, nhân lực, thời gian. Nợ đọng xây dựng cơ bản chưa được xử lý triệt để.

5. GIẢI PHÁP TÁI CƠ CẤU ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2017-2020

Căn cứ vào các chỉ đạo được đưa ra tại Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21/02/2017, cần đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, để tái cấu trúc đầu tư công thời gian tới gắn với ưu tiên hiệu quả đầu tư, cần bám sát một số nhiệm vụ trọng tâm, cụ thể:

Một là, sớm xây dựng Đề án hoàn thiện thể chế lựa chọn sắp xếp thứ tự ưu tiên phê duyệt dự án đầu tư công và đánh giá hiệu quả sau đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư công giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2025.

Trong đó, cần thực hiện chỉ đạo mới đây của Thủ tướng Chính phủ về việc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 phải quán triệt quan điểm tập trung, không dàn trải. Đặc biệt, vốn đầu tư công cần ưu tiên cho các dự án lớn, quan trọng, có tính liên kết vùng, liên vùng, có vai trò lan tỏa lớn; Vốn đối ứng các dự án ODA; Thanh toán nợ xây dựng cơ bản; Quan tâm hỗ trợ các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn...

Hai là, hoàn thiện hệ thống quản lý đầu tư công theo thông lệ quốc tế đảm bảo đến năm 2019 đạt chất lượng tương đương trung bình các nước ASEAN-4, trong đó ưu tiên đổi mới cách thức lập và thẩm định, đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư công. Các bộ, ngành, cơ quan liên quan rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ

thuật, đơn giá xây dựng, suất đầu tư và giá trong lĩnh vực xây dựng của các ngành kinh tế để quản lý chặt chẽ, tiết kiệm đầu tư công. Khi hệ thống quản lý đầu tư công hoàn thiện hơn, cần tập trung thống nhất về phạm vi, lĩnh vực đầu tư thiết thực. Cần xác định đầu tư vào các công trình trọng điểm, có tính đột phá và lan tỏa nhằm nhanh chóng đưa vào sử dụng.

Ba là, cải cách triệt để khu vực DNNN, đây là lực lượng cơ bản thực hiện đầu tư công. Tuy nhiên, nó lại đang vận hành trong những cơ chế không rõ ràng, minh bạch (lẫn lộn đầu tư công và đầu tư kinh doanh để thu lợi nhuận, dẫn tới lẫn lộn, nhập nhèm về cơ chế). Đây là cơ sở chủ yếu để thực hiện việc thu hồi các khoản đầu tư ra ngoài ngành của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước đang đặt ra rất gay gắt hiện nay. Để tận dụng hiệu quả lan tỏa của đầu tư công đối với việc nuôi dưỡng kích thích sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân (DNTN) nói chung, cần tiên hành cải cách DNNN một cách triệt để nhằm bảo đảm một môi trường cạnh tranh tự do bình đẳng thực chất. Cải cách không chỉ vì sức ép hội nhập mà phải thay đổi vì sự phát triển của quốc gia. Trong nền kinh tế thị trường, DNNN được thành lập để cung cấp hàng hóa dịch vụ công, trong chừng mực đầu tư tư nhân chưa đủ năng lực thực hiện chức năng này. Cải cách triệt để doanh nghiệp nhà nước là giải phóng bộ phận này ra khỏi những lĩnh vực phi hàng hóa dịch vụ công, trả sân chơi lại cho DNTN.

Bốn là, hoàn thiện, triển khai thống nhất trên toàn quốc hệ thống thông tin về đầu tư sử dụng vốn nhà nước (bao gồm cơ sở dữ liệu về các dự án đầu tư công từ nguồn NSNN, hỗ trợ phát triển chính thức ODA, trái phiếu chính phủ...); Xây dựng quy định bảo đảm triển khai hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin; Hướng dẫn các bộ, ngành Trung ương và địa phương tăng cường công tác quản lý, lập báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công...

Năm là, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đầu tư công; Kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử

dụng các nguồn vốn đầu tư; Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc huy động, quản lý, sử dụng vốn vay.

Quản lý chặt chẽ việc sử dụng nguồn vốn dự phòng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn. Khoản vốn dự phòng chung chưa phân bổ chỉ được sử dụng trong trường hợp nguồn thu NSNN được đảm bảo theo kế hoạch và được sử dụng cho các mục tiêu thật sự cần thiết, bất khả kháng, cấp bách theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công...

Sáu là, nêu cao trách nhiệm trước pháp luật của người đứng đầu các bộ, ngành Trung ương và địa phương trong việc quyết định chủ trương đầu tư, bảo đảm chất lượng lập báo cáo đề xuất, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án nhằm khắc phục triệt để tình trạng chuẩn bị dự án sơ sài, không bảo đảm quy định của pháp luật, quyết định chủ trương đầu tư dàn trải, không hiệu quả, phê duyệt tổng mức đầu tư thiếu chính xác. Xử lý nghiêm cá nhân, tập thể vi phạm pháp luật về đầu tư công đã được Quốc hội, Chính phủ và các cấp có thẩm quyền quyết định.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban chấp hành Trung ương, “Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2016 về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, nâng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế”, Hội Nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương đảng khóa XII, 2016.
- [2] Trần Thọ Đạt, Ngô Thắng Lợi, Kinh tế Việt Nam 2016, NXB KTQD, 2017, 4 phần, 351 trang.
- [3] Tổng cục Thống kê, “Niêm giám thống kê”, Webside <http://gso.gov.vn/>, 2012, 2014, 2015.
- [4] Quốc hội, “Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08/11/2016 về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020”, Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2016.
- [5] Quốc hội, “Nghị quyết số 26/2016/QH14 ngày 10/11/2016 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020”, Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2016.

TIỂU SỬ TÁC GIẢ



Tiến sĩ Dương Thị Tình

Hiện đang là giảng viên của Khoa Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên. Năm 2000, cô tốt nghiệp Đại học, năm 2005 tốt nghiệp cao học tại Đại học Thái Nguyên chuyên ngành Kinh tế Nông nghiệp. Năm 2011, cô đã làm nghiên cứu sinh tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, chuyên ngành Kinh tế và Quản lý thương mại và đã bảo vệ thành công luận án vào tháng 2/2015 và nhận quyết định Công nhận học vị Tiến sĩ vào tháng 5/2015, cô đã có nhiều bài báo khoa học đăng trên các tạp chí uy tín trong nước và các kỷ yếu hội thảo quốc tế, quốc gia. Hướng nghiên cứu chính: Kinh tế, Quản lý Kinh tế, Kinh tế Thương mại, Kinh tế Phát triển, Kinh tế Môi trường.